BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về nguồn tài chính, quản lý, sử dụng nguồn tài chính, hạch toán kế toán và chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tài chính đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Điều 38 Luật Thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tổ chức thủy lợi cơ sở (hợp tác xã, tổ hợp tác) và cá nhân theo quy định của Chính phủ thực hiện việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước (gọi tắt là đơn vị khai thác công trình thủy lợi).

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Chương II

NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc xác định nguồn tài chính của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Đơn vị khai thác công trình thủy lợi được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 21 và khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi, được thu tiền từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cho các đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa công trình thủy lợi; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hỗ trợ phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng; hỗ trợ cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo mục tiêu hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền quyết định và quản lý theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công.

3. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước

a) Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước:

- Việc thanh lý, nhượng bán và sử dụng tiền thu từ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, số tiền thu được sau khi trừ chi phí, nộp thuế (nếu có) khi thanh lý, nhượng bán đối với tài sản là kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước được ghi tăng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

b) Thu từ thanh lý tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi

- Việc thanh lý, nhượng bán tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước (gồm tiền đền bù, giải tỏa...) của doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước thì số tiền thu từ thanh lý tài sản ít hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán thì làm rõ trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân liên quan; số chênh lệch còn lại được ghi giảm vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Đơn vị khai thác công trình thủy lợi báo cáo cơ quan chủ sở hữu xem xét quyết định giảm vốn sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các đối tượng theo quy định của Chính phủ thông qua hình thức chi trả trực tiếp cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở số lượng sản phẩm đã được nghiệm thu và mức giá sản phẩm cụ thể được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Ngân sách trung ương chi trả cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương, ngân sách địa phương chi trả cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;

b) Việc nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được quy định như sau:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu sản phẩm đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiệm thu sản phẩm đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;

c) Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi do Trung ương quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

Điều 4. Nguồn tài chính trong các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi và hỗ trợ tài chính của nhà nước

a) Căn cứ xác định nguồn thu bao gồm: Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng; hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi ký kết theo quy định tại Điều 32 Luật Thủy lợi xác định khối lượng sản phẩm được nghiệm thu và giá sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định; quyết định trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn thu được tính vào doanh thu của doanh nghiệp gồm:

- Nguồn thu từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi để chi trả cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Thủy lợi;

- Nguồn thu từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đối tượng không được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải nộp cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi;

- Nguồn thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định như các khoản kinh phí trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định.

2. Nguồn thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; thu nhập tài chính khác và khoản thu từ các hoạt động kinh doanh khác được tính vào doanh thu và thu nhập khác gồm:

a) Nguồn thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Thủy lợi;

b) Nguồn thu từ thu nhập từ hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng, thu do cho thuê tài chính, thu do liên doanh, liên kết...;

c) Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài khoản 1; điểm a, điểm b khoản này.

Điều 5. Nguồn tài chính trong các tổ chức thủy lợi cơ sở

Nguồn tài chính để hoạt động trong các tổ chức thủy lợi cơ sở ngoài các nguồn thu được xác định quy định tại Điều 4 Thông tư này còn nhận được từ các nguồn sau:

1. Nguồn thu hỗ trợ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

hệ thống tưới, tiêu tiên tiến và hiện đại; hệ thống xử lý nước thải để tái sử dụng theo khoản 3 Điều 4 Luật Thủy lợi;

2. Nguồn thu từ các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi đóng góp theo điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Thủy lợi;

3. Nguồn thu kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Nguồn tài chính của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

Nguồn thu của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này (nếu có).

Chương III

SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH TRONG CÁC ĐƠN VỊ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 7. Nguyên tắc sử dụng nguồn tài chính

1. Đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Thủy lợi.

2. Phân định rõ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, các công trình được hình thành bằng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tại doanh nghiệp được chủ sở hữu giao quản lý sử dụng và khai thác.

3. Sử dụng đúng mục đích, đúng các chính sách, chế độ, định mức của nhà nước quy định, đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo tuân thủ pháp luật chuyên ngành về tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp. Đối với hợp tác xã thực hiện theo Luật Hợp tác xã, Điều lệ hợp tác xã. Đối với tổ hợp tác và cá nhân thực hiện theo quy định pháp luật về tổ hợp tác và pháp luật dân sự.

5. Đối với chi phí sửa chữa lớn

a) Nguồn kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm phần tính trong kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và phần ngân sách nhà nước hỗ trợ (kinh phí bảo trì);

b) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi lập kế hoạch hàng năm kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tổng hợp, phê duyệt trong